

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 465/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/11/2023

V/v: Tranh chấp hôn nhân
gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT VN
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT VN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lan Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Lưu;
2. Ông Trần Mạnh Khang;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Khánh KL – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 395/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc: Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị HL, sinh năm 1996; Hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã A, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. *(Có mặt)*

- Bị đơn: Anh VN, sinh năm 1995; Hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã A, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn xin KL hôn ngày 24/8/2023 và lời khai trong toàn bộ quá trình giải quyết, nguyên đơn – chị HL trình bày:

Chị và anh VN lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2019 tại UBND xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Quá trình chung sống, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh VN ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Ngoài ra, giữa hai bên còn bất đồng trong tính cách và quan điểm sống. Vợ chồng đã nhiều lần hoà giải, trao đổi tìm cách hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn nhưng không thành. Từ tháng 7/2023 do quá nhiều mâu thuẫn, anh VN không yêu thương, chăm sóc

gia đình, không có trách nhiệm với vợ con, khiến chị vô cùng chán nản nên đã về nhà bố mẹ đẻ để sống và vợ chồng KL thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống KL thân, hai bên cũng đã nhiều lần nói chuyện, bàn bạc với nhau để tìm hướng giải quyết nhưng không thành. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, chị đã suy nghĩ kỹ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được KL hôn.

Về con chung, chị và anh VN có 01 con chung là MQ, sinh ngày 16/7/2021. Sức khỏe con chung bình thường. Hiện nay chị và anh VN sống KL thân mỗi người một nơi, chị sống cùng bố mẹ đẻ tại Yên Thái, Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội. Chị và anh VN hiện đang thỏa thuận mỗi người luân phiên nuôi con 01 tháng. Nếu KL hôn, chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh VN đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị đang làm tại Công ty TNHH thiết kế - kiến trúc – nội thất Bighomes, thu nhập trung bình khoảng 15.000.000 đồng/tháng, ngoài ra chị còn kinh doanh tự do (làm nhãn thiết kế và in), thu nhập trung bình khoảng 10 đến 15 triệu đồng/tháng. Trường hợp anh VN được nuôi con mà yêu cầu chị cấp dưỡng thì chị cũng đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của anh VN, nếu anh VN không yêu cầu thì chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nhà ở chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ, vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/10/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh VN trình bày:

Anh thống nhất với lời khai của chị KL về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh có chơi cờ bạc một thời gian ngắn nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau, chị KL đã nhiều lần bỏ nhà đi nhưng sau đó anh có khuyên giải nên lại về. Thời gian vừa rồi, khoảng tháng 7/2023 vợ chồng mâu thuẫn trong cuộc sống nên chị KL bỏ nhà đi từ đó cho đến nay. Trước khi chị KL bỏ đi, anh đã khuyên giải nhưng chị KL không nghe và kiên quyết đi. Sau khi chị KL đi, anh và chị KL đã nói chuyện với nhau về việc giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành và nhờ bố mẹ chị KL khuyên giải nhưng chị KL không về. Vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau trong nhà, không phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp hoà giải. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng giữa anh và chị KL không thống nhất được phương án người trực tiếp nuôi con sau khi KL hôn nên anh không đồng ý KL hôn, nếu chị KL đồng ý cho anh được trực tiếp nuôi con thì anh đồng ý KL hôn, còn chị KL không đồng ý cho anh trực tiếp nuôi con thì anh không đồng ý KL hôn.

Về con chung, như chị KL trình bày là đúng, sức khỏe con chung bình thường. Hiện nay, anh và chị KL sống KL thân mỗi người một nơi từ tháng 7/2023, chị KL sống cùng bố mẹ đẻ tại Yên Thái, Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội. Còn anh sống cùng bố mẹ đẻ tại Thôn Y, xã A, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Kể từ thời điểm KL thân, anh và chị KL thỏa thuận mỗi người luân phiên nuôi con 01 tháng. Chị KL đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung thì anh không đồng ý. Anh hiện đang làm nghề kinh doanh tự do (in ấn), thu nhập trung bình khoảng 35 đến 40 triệu đồng/tháng. Trường hợp anh được trực tiếp nuôi con thì anh không yêu cầu chị KL đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị KL được nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh cũng đồng ý. Về tài sản chung, nhà ở chung, anh không yêu cầu; về công nợ, vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị KL vẫn giữ nguyên nguyện vọng xin KL hôn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được KL hôn anh VN vì vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể khắc phục được. Về con chung, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ, chị vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Anh VN vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa án và không bổ sung thêm gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin KL hôn của chị KL. Về con chung, đề nghị giao con chung cho chị KL trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh VN. Về tài sản chung, nhà ở chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về công nợ, anh chị xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không xét. Về án phí, chị KL phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại Đơn xin KL hôn và tài liệu kèm theo thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại Thôn Y, xã A, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: Chị HL và anh VN lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 01/03/2019 tại UBND xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình Tòa án giải quyết, chị KL và anh VN thống nhất xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị KL đã nhiều lần bỏ nhà đi nhưng được khuyên giải nên lại quay về. Từ tháng 7/2023 chị KL bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Chị KL kiên quyết xin KL hôn, anh VN không đồng ý KL hôn vì chị KL không đồng ý cho anh được trực tiếp nuôi con. Đại diện chính quyền địa phương nơi anh chị chung sống cung cấp: do mâu thuẫn của anh chị không thể hiện ra bên ngoài nên địa phương không nắm được.

Xét, chị KL, anh VN đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm không còn, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống không có sự chia sẻ, đồng cảm dẫn đến vợ chồng sống KL thân mỗi người một nơi. Điều đó thể hiện mâu thuẫn giữa chị KL và anh VN đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh VN không đồng ý KL hôn vì chị KL không đồng ý cho anh được trực tiếp nuôi con, nên ý kiến của anh VN là không có cơ sở chấp nhận. Do vậy, chị KL yêu cầu xin KL hôn anh VN là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị KL và anh VN có một con chung là MQ, sinh ngày 16/7/2021. Chị KL và anh VN đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bên kia phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Chị KL hiện đang làm nhân viên tại Công ty TNHH thiết kế - kiến trúc – nội thất Bighomes, thu nhập trung bình khoảng 15.000.000 đồng/tháng, ngoài ra chị còn kinh doanh tự do (làm nhãn thiết kế và in), thu nhập trung bình khoảng 10 đến 15 triệu đồng/tháng. Anh VN hiện làm nghề tự do, thu nhập khoảng 40.000.000 đồng/tháng. Đại diện chính quyền địa phương cung cấp, cháu MQ không thuộc diện trợ cấp xã hội tại địa phương.

Xét, việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi KL hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Chị KL và anh VN đều đủ điều kiện nuôi con, trong thời gian sống KL thân cả hai anh chị cùng chăm sóc con chung, sức khoẻ con chung bình thường. Tuy nhiên, hiện nay cháu MQ được 28 tháng tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ, do vậy, giao cho chị KL trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Chị KL tự nguyện không yêu cầu anh VN đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Sự tự nguyện của chị KL phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh VN có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị KL, anh VN không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về công nợ: Chị KL, anh VN xác nhận vợ chồng không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Ngoài ra, chị KL, anh VN không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác nên không xét.

2.5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị KL phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị KL, anh VN có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

[1]. Chấp nhận đơn xin KL hôn của chị HL đối với anh VN. Chị KL được KL hôn anh VN.

[2]. Về con chung: Chị KL và anh VN xác nhận có một con chung là MQ, sinh ngày 16/7/2021.

Giao cho chị KL trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung kể từ tháng 11 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh VN, kể từ tháng 11 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh VN có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị KL và anh VN không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. Về công nợ: Chị KL và anh VN xác nhận vợ chồng không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí: Chị HL phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0016750 ngày 05/10/2023 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị HL, anh VN. Chị KL, anh VN có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Hoài Đức;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS h.Hoài Đức;
- UBND x.An Khánh, h.Hoài Đức, Hà Nội. (Giấy chứng nhận kết hôn số 33/2019 ngày 01/03/2019).
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Lan Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

